

Khu BTTN Kon Cha Răng

Tên khác

Kon Chư Răng

Tỉnh

Gia Lai

Tình trạng

Quyết định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

14°26' - 14°35' vĩ độ Bắc

Kinh độ

108°30' - 108°39' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

05b - Nam Trung Bộ



Tình trạng bảo tồn

Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng thành lập theo Quyết định Số 194/CT, ngày 9/8/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, với diện tích 16.000 ha (Bộ NN và PTNT 1997). Năm 1994, Viện Khoa học Lâm nghiệp đã xây dựng dự án đầu tư cho khu bảo tồn, nhưng chưa được Bộ Lâm nghiệp phê duyệt (Anon. 1994). Đến năm 1999, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng tiếp tục xây dựng dự án đầu tư cho khu bảo tồn này (Anon. 1999) với diện tích đề xuất là 15.900 ha, trong đó phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 8.746 ha và phân khu phục hồi sinh thái 7.154 ha. Ngoài ra, dự án đầu tư còn quy hoạch vùng đệm cho khu bảo tồn với diện tích 56.000 ha thuộc 2 xã Sơn Lang và Đak Rông, huyện K'Bang.

Ngày 21/6/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phê duyệt dự án đầu tư cho khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng theo Công văn Số 857/CV-UB. Theo đề nghị của tỉnh Gia Lai, ngày 4/8/2000 Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn đã thẩm định dự án đầu tư theo Quyết định Số 2648/BN-KH. Trên cơ sở thẩm định của Bộ NN và PTNT, Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai đã thành lập một ban quản lý cho hai khu bảo tồn Kon Ka Kinh và Kon Cha Răng (Lê Trọng Trãi pers. comn.).

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên vùng địa hình cao nguyên. Đỉnh cao nhất là núi Kon Cha Răng cao 1.452 m so với mực nước biển. Phía bắc có nhiều đỉnh núi khác có độ cao trên 1.000 m. Nơi thấp nhất trong khu vực là 800 m.

Kon Cha Răng nằm ở vùng đầu nguồn sông Kôn. Nhiều sông suối bắt nguồn từ khu bảo tồn chảy vào sông Kôn. Con sông này chảy qua huyện An Khê và Tây Sơn và chảy ra biển Đông tại thành phố Quy Nhơn. Vùng hạ lưu sông Kôn có các đập thủy điện cung cấp điện cho tỉnh Bình Định. Trong khu bảo tồn, đầu nguồn sông Kôn có một số các thác nước, trong đó nổi tiếng nhất và cao nhất là thác 50 cao 50 m.

Đa dạng sinh học

Kon Cha Răng có diện tích rừng tự nhiên là 15.610 ha chiếm 98% tổng diện tích khu bảo tồn. Kiểu rừng chính ở đây là rừng nhiệt đới thường xanh núi thấp phân bố ở độ cao từ 900 - 1.000 m ở phía tây bắc khu bảo tồn. Kiểu rừng này chiếm 70 - 80% diện tích rừng trong khu vực, với thành phần thực vật ưu thế bởi các loài cây thuộc họ dẻ Fagaceae, re Lauraceae, mộc lan Magnoliaceae

mọc hỗn giao với các loài cây lá kim như thông nàng *Podocarpus imbricatus*, hoàng đàn giả *Dacrydium elatum*. Trên một số diện tích ở đai núi thấp trong khu bảo tồn, rừng đã qua khai thác chọn một số loài có giá trị kinh tế bởi lâm trường Trạm Lập. Tuy nhiên, hầu hết rừng vẫn chưa bị tác động mạnh.

Khu bảo tồn còn có kiểu rừng thường xanh núi thấp phân bố ở độ cao dưới 900 m. Ngoài ra khu bảo tồn còn có 2% diện tích trảng cỏ cây bụi cây gỗ rải rác với các loài thực vật phổ biến là chè và *Miscanthus sinensis*, sâm *Memecylon fruticosum*, mua *Melastoma normale*, cỏ tranh *Imperata cylindrica*, lau *Erianthus arundinaceus*, sậy *Phragmites vallatoria*, cỏ may *Chrysopogon aciculatus*, cỏ chỉ *Cynodon dactylon* (Anon. 1999).

Các đợt khảo sát của Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Chương trình BirdLife Quốc tế năm 1999 đã thống kê được 546 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 376 chi, 122 họ. Trong số đó có 201 loài cây gỗ, 121 loài cây dược liệu và 48 loài cây có khả năng làm cảnh. Trong danh sách thực vật có 7 loài bị đe dọa được ghi trong danh sách các loài bị đe dọa toàn cầu của IUCN, 18 loài quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và 9 loài thực vật đặc hữu của Việt Nam là thích quả đỏ *Acer erythranthum*, du móc *Baccaurea silvestris*, lọng hiệp *Bulbophyllum hiepii*, Song bột *Calamus poilanei*, hoa khế *Craibiodendron scleranthum*, trắc *Dalbergia cochinchinensis*, hoàng thảo vạch đỏ *Dendrobium ochraceum*, xoay *Dialium cochinchinensis*, Giổi *Michelia mediocris* (Anon. 1999).

Kết quả khảo sát cũng đã ghi nhận cho Kon Cha Răng 62 loài thú, 169 loài chim và 161 loài bướm. Trong số đó có 8 loài thú bị đe dọa ở mức toàn cầu và 17 loài thú trong sách đỏ Việt Nam. Đặc biệt, có 3 loài thú đặc hữu của Đông Dương là Vượn má hung *Hylobates gabriellae*, Voọc vá chân xám *Pygathrix nemaeus cinereus* và Mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis* (Anon. 1999).

Trong số các loài chim được ghi nhận ở khu bảo tồn Kon Cha Răng có 6 loài bị đe dọa ở mức toàn cầu, trong đó có loài Chân bơi *Heliopais personata*, và 5 loài khác có vùng phân bố hẹp là Trĩ Sao *Rheinardia ocellata*, Khướu đầu đen

Garrulax milleti, Khướu má trắng *G. vassali*, Khướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui*, Chích chạch má xám *Macronous kelleyi*. Như vậy rõ ràng là Kon Cha Răng là một bộ phận của vùng Chim Đặc hữu Cao nguyên Kon Tum. Đáng chú ý là các đợt khảo sát về khu hệ bướm, đã phát hiện 7 taxon có thể là mới cho khoa học (Anon. 1999).

Các vấn đề về bảo tồn

Trước năm 1975, vẫn có dân sinh sống trong khu bảo tồn, nhưng đến nay không còn dân sống trong khu bảo tồn nữa. Dân số các xã vùng đệm là 5.564 người, thuộc hai dân tộc Ba Na và Kinh. Từ lâu đời nay, người Ba Na vẫn có truyền thống sử dụng tài nguyên rừng (Anon. 1999). Các hoạt động ảnh hưởng tới đa dạng sinh học của khu bảo tồn là phát rừng trồng cà phê, săn bắn động vật, khai thác lâm sản và lửa rừng. Hầu hết các hoạt động trái phép này đã gây thiệt hại đối với các sinh cảnh rừng tự nhiên của khu vực (Lê Trọng Trãi pers. comn.).

Mặc dù Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng được thành lập từ năm 1986, nhưng trước khi có các đợt khảo sát của Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Chương trình BirdLife Quốc tế chưa có các hoạt động bảo tồn nào được tiến hành trong khu vực (Lê Trọng Trãi pers. comn.).

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kon Cha Răng cách Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kon Ka Kinh 12 km về phía tây và được nối liền với nhau bởi các giải rừng tự nhiên. Bởi vậy, hai khu bảo tồn này và giải rừng hành lang có sinh cảnh đủ lớn thích hợp cho các quần thể thú lớn như Hổ *Panthera tigris*. Các diện tích rừng trung gian giữa hai khu bảo tồn hiện nay do các lâm trường quản lý. Chương trình BirdLife Quốc tế và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã kiến nghị trong tương lai hai khu bảo tồn này nên sát nhập thành một khu bảo tồn thiên nhiên (Lê Trọng Trãi et al. 2000). Đề xuất trên cũng phù hợp với đề xuất của *Chương trình hành động rừng nhiệt đới* (Bộ Lâm nghiệp 1991), *Kế hoạch hành động đa dạng sinh học* (Chính phủ CHXHCN Việt Nam /GEF 1994) và báo cáo *Mở rộng hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam cho thế kỷ 21*. BirdLife/FIPI (Wege et al. 1999).

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kon Cha Răng

Các giá trị khác

Rừng của khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng có vai trò phòng hộ đầu nguồn của sông Kôn. Rừng trong khu bảo tồn đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và cung cấp nguồn nước cho các công trình thủy điện và cung cấp nước tưới cho hàng ngàn hecta lúa nước ở vùng hạ lưu sông Kôn. Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng còn có giá trị tiềm năng về du lịch và nghiên cứu khoa học.

Các dự án có liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai và Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam đang xây dựng một dự án GEF cỡ vừa cho hai Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Cha Răng và Kon Ka Kinh. Dự án này mới trong giai đoạn khởi thảo nhưng mục tiêu của nó là nhằm xây dựng và thực thi các kế hoạch quản lý cho hai khu bảo tồn và hành lang rừng liên kết giữa hai khu vực, thu hút các cơ quan có liên quan tham gia quản lý bền vững khu vực dự án, đồng thời tăng cường năng lực quản lý cho ban quản lý khu bảo tồn.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1994) [Investment plan for Kon Cha Rang Nature Reserve, Central Highlands]. Hanoi: Forest Science Institute of Vietnam. In Vietnamese.

Anon. (1999) [Investment plan for Kon Cha Rang Nature Reserve, Gia Lai province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Eames, J. C. and Robson, C. R. (1993) Threatened primates in southern Vietnam. *Oryx* 27(3): 146-154.

Gia Lai Provincial FPD (2000) [FPD questionnaire]. Plei Ku: Gia Lai Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.

Le Trong Trai, Le Van Cham, Tran Quang Ngoc and Tran Hieu Minh (2000) [An investment plan for Kon Ka Kinh Nature Reserve, Gia Lai](#)

[province: a contribution to the management plan.](#)

Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.

Rozhnov, V. V., Kuznetsov, G. V. and Pham Trong Anh (1991) New distributional information on Owston's Palm Civet. *Small Carnivore Conservation* 5: 7.